

A. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình học kì I (từ tuần 1 đến tuần 17) môn Ngữ văn lớp 6, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

B. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức: Tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: Học sinh làm bài kiểm tra trong 90 phút.

C. THIẾT LẬP MA TRẬN

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 6, học kì I (từ tuần 1 đến tuần 17).

- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra.

- Xác định khung ma trận và bảng đặc tả.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Kỹ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	0	4	0	2	0	2	0	0	60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			0	30	0	30	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			30		30		30		10		100
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Thơ (Thơ lục bát)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. (1) - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. (2), (4) - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. (3) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. (5) - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. (6) - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong câu. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. (7), (8) - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp. 	4TL	2TL	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p>				1TL

			Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				
Tổng				4TL	2TL	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				40%	20%	20%	40%
Tỉ lệ chung (%)				60%			40%

I. ĐỌC HIỂU: (6,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Cả đời ra bể vào ngòi
Mẹ như cây lá giữa trời gió rung
Cả đời buộc bụng thắt lưng
Mẹ như tấm nhả bóng dựng tơ vàng
Đường đời còn rộng thênh thang
Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời
Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười
Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương
Bát cơm và nắng chan sương
Đói no con mẹ sẻ nhường cho nhau
Mẹ ra bởi gió chân cầu
Tìm câu hát đã từ lâu dập vùi...*

(Trích *Trở về với mẹ ta thôi* – Đồng Đức Bốn, *Chim mỏ vàng và hoa cỏ độc*, NXB Hội nhà văn, 2006)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm các hình ảnh miêu tả về nỗi vất vả, nhọc nhằn của người mẹ trong khổ thơ sau:

*“Cả đời ra bể vào ngòi
Mẹ như cây lá giữa trời gió rung
Cả đời buộc bụng thắt lưng
Mẹ như tấm nhả bóng dựng tơ vàng”.*

Câu 3. (0,5 điểm) Tìm từ láy trong hai câu thơ sau:

*“Đường đời còn rộng thênh thang
Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời”.*

Câu 4. (0,5 điểm) Xác định các tiếng được gieo vần trong hai câu thơ sau:

*“Bát cơm và nắng chan sương
Đói no con mẹ sẻ nhường cho nhau”.*

Câu 5. (1,0 điểm) Em hãy cho biết chủ đề của bài thơ này là gì?

Câu 6. (1,0 điểm) Chỉ ra tác dụng của biện pháp ẩn dụ trong câu thơ: *“Cả đời buộc bụng thắt lưng”.*

Câu 7. (1,0 điểm) Theo em, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ?

Câu 8. (1,0 điểm) Từ nội dung của văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân mình trong cách ứng xử với mẹ hằng ngày? (HS trình bày 3 – 5 dòng).

II. LÀM VĂN: (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.

----- **HẾT** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CKI

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Thể thơ lục bát.	0,5
	2	Nỗi vất vả, nhọc nhằn của người mẹ được miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh: ra bề vào ngòi, buộc bụng thắt lưng.	0,5
	3	Từ láy: thên thang.	0,5
	4	Sương – nhường: vần ương	0,5
	5	Chủ đề: Tình mẹ con.	1,0
	6	Nhằm nói về đức tính tiết kiệm của mẹ trong việc trang trải cuộc sống khi hoàn cảnh nghèo khó.	1,0
	7	Thông điệp bài thơ: Hãy biết trân trọng những hi sinh, những yêu thương của mẹ dành cho con.	1,0
	8	- Hình thức: Đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung: Nêu được bài học rút ra từ văn bản. HS có thể diễn đạt theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý như sau: - Phải biết yêu thương, trân trọng, biết ơn tình cảm của mẹ dành cho bản thân... - Biết giúp đỡ mẹ những việc làm trong khả năng của mình, cố gắng học tốt, vâng lời cha mẹ, thầy cô...	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm của bản thân</i>	0,25
		<i>c. Kể lại một trải nghiệm</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm đó: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm xúc về trải nghiệm	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.</i>	0,25
Tổng cộng			10,0